

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2008/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 28 tháng 01 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với
tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp
công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 202/2006/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 35/2007/TT-BTC ngày 10/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 3260/STC-GCS ngày 19 tháng 11 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh - Phó văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH, KT.

@DienKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Quốc Thái

QUY ĐỊNH

**Phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước
tại cơ quan hành chính đơn vị sự nghiệp công lập,
tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2008/QĐ-UBND
ngày 28 /01/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh ĐồngNai)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (sau đây gọi chung Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia; tài sản sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh quốc gia; tài sản dự trữ quốc gia; tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; tài nguyên thiên nhiên và đất đai khác thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng quy định này bao gồm:

1. Cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước.
2. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập) được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 3. Tài sản nhà nước do cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức thuộc địa phương quản lý, sử dụng bao gồm

1. Đất khuôn viên trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

2. Nhà, công trình xây dựng và các tài sản khác gắn liền với khuôn viên đất;

3. Phương tiện giao thông vận tải, máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác được đầu tư, mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, hoặc hình thành từ các nguồn khác mà theo quy định của pháp luật là tài sản của Nhà nước, được Nhà nước giao cho đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng để phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Đăng ký quyền quản lý tài sản nhà nước

1. Những tài sản nhà nước phải đăng ký quyền quản lý, sử dụng bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô các loại (bao gồm cả xe ô tô chuyên dùng);

c) Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho một đơn vị tài sản.

2. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được nhà nước giao trực tiếp quản lý, sử dụng những tài sản nêu trên phải đăng ký quyền quản lý, sử dụng tài sản nhà nước với Sở Tài chính. Đối với các tài sản cố định còn lại, đơn vị sử dụng phải lập thẻ tài sản để theo dõi và hạch toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

3. Trường hợp phát hiện đơn vị không đăng ký các loại tài sản nêu tại khoản 1, Điều này, cơ quan tài chính được phép ngừng cấp kinh phí phục vụ hoạt động của những tài sản không đăng ký theo quy định; đồng thời thực hiện chế độ xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Nội dung, trình tự, thủ tục đăng ký tài sản nhà nước được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2007/TT-BTC ngày 10/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm đối với tài sản nhà nước

1. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm đối với tài sản nhà nước là nhà, công trình kiến trúc và tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

2. Thẩm quyền quyết định đầu tư mua sắm đối với tài sản nhà nước là phương tiện giao thông vận tải, máy móc thiết bị làm việc và các tài sản khác của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

- Mua sắm xe ô tô các loại;
- Mua sắm đối với các động sản, các loại tài sản nhà nước khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên, tính cho một đơn vị tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định mua sắm đối với các động sản, các loại tài sản nhà nước khác có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng, tính cho một đơn vị tài sản.

c) Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định và dự toán ngân sách được giao quyết định mua sắm các loại tài sản khác (trừ phương tiện giao thông vận tải) có giá trị dưới 200 triệu đồng, tính trên một đơn vị tài sản.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm các loại tài sản khác (trừ phương tiện giao thông vận tải) có giá trị dưới 200 triệu đồng, tính trên một đơn vị tài sản từ ngân sách cấp huyện.

đ) Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, ngành thuộc cấp tỉnh hoặc cấp tương đương và thuộc UBND cấp huyện hoặc cấp tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, căn cứ tiêu chuẩn, định mức và dự toán được giao, quyết định mua sắm các loại tài sản khác (trừ phương tiện giao thông vận tải) có giá trị dưới 50 triệu đồng, tính trên một đơn vị tài sản.

e) Việc tổ chức đầu tư mua sắm tài sản quy định tại điểm a, b, c, d và đ, khoản 2, Điều này được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 63/2007/TT-BTC ngày 15/6/2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước bằng vốn nhà nước.

Điều 6. Thẩm quyền thu hồi tài sản nhà nước

1. Tài sản nhà nước bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Đầu tư xây dựng mới, mua sắm, điều chuyển, thu hồi, bán, chuyển đổi sở hữu vượt tiêu chuẩn định mức quy định, không đúng thẩm quyền do nhà nước quy định;

b) Đơn vị quản lý tài sản nhưng không sử dụng và không đề nghị phương án xử lý có hiệu quả;

c) Sử dụng sai mục đích, sai chế độ quy định;

d) Các trường hợp phải thu hồi khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền thu hồi tài sản nhà nước:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, phê duyệt phương án thu hồi các tài sản nêu tại khoản 1, Điều 4 theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi các loại tài sản khác sau khi thống nhất với Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đơn vị, trừ các loại tài sản nêu tại khoản 1, Điều 4 quy định này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi, phê duyệt phương án thu hồi các loại tài sản do cấp huyện quản lý theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch, trừ các loại tài sản nêu tại khoản 1, Điều 4 quy định này.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi loại tài sản do cấp xã quản lý trừ các loại tài sản nêu tại khoản 1, Điều 4 quy định này.

Điều 7. Thẩm quyền bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu đối với tài sản nhà nước nêu tại khoản 1, Điều 4 quy định này theo đề nghị của Sở Tài chính.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu các loại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản theo phương án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, trừ các loại tài sản nêu tại khoản 1, Điều 4 quy định này.

3. Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu đối với các loại tài sản có giá trị theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản theo phương án được Sở Tài chính thẩm định, trừ các loại tài sản nêu tại khoản 1, Điều 4 quy định này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản nhà nước đối với các loại tài sản có giá trị theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản do cấp huyện quản lý theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch trừ các loại tài sản nêu tại khoản 1, Điều 4 quy định này.

5. Thẩm quyền bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 202/2006/QĐ-TTg ngày 31/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản nhà nước đối với các loại tài sản có giá trị theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản thuộc cấp xã quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất của Phòng Tài chính - Kế hoạch, trừ các loại tài sản tại khoản 1 Điều 4 quy định này.

7. Trình tự, thủ tục bán, chuyển đổi hình thức sở hữu đối với tài sản nhà nước thực hiện theo khoản 9, phần II, Thông tư 35/2007/TT-BTC ngày 10/4/2007 của Bộ Tài chính.

Điều 8. Thanh lý tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý, gồm:

a) Nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất bị hư hỏng không còn sử dụng được hoặc nếu tiếp tục sử dụng phải chi phí lớn, không hiệu quả hoặc không có nhu cầu sử dụng;

b) Các loại tài sản nêu tại khoản 1, Điều 4 quy định này.

2. Đối với các loại tài sản khác do cơ quan cấp tỉnh quản lý, trừ các loại tài sản tại khoản 1 Điều 4 được thực hiện như sau:

a) Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý đối với tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản theo phương án được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, quyết định tổ chức thanh lý đối với các loại tài sản có giá trị theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản theo phương án được Sở Tài chính thẩm định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý đối với tài sản nhà nước thuộc cấp huyện quản lý gồm:

- Nhà, công trình xây dựng phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch; Quyết định thanh lý gửi Sở Tài chính một bản để theo dõi;

- Tài sản khác có giá trị theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch, trừ xe ô tô các loại.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với các loại tài sản có giá trị theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản thuộc cấp xã quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất của Phòng Tài chính - Kế hoạch, trừ các loại tài sản tại khoản 1 Điều 4 quy định này.

5. Thẩm quyền thanh lý tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quyết định số 202/2006/QĐ-TTg ngày 31/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản nhà nước thực hiện theo khoản 10, phần II, Thông tư 35/2007/TT-BTC ngày 10/4/2007 của Bộ Tài chính.

Điều 9. Điều chuyển tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý, gồm:

a) Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, các công trình xây dựng gắn liền với đất và phương tiện đi lại của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và cơ quan liên quan.

b) Quyết định chuyển giao quyền quản lý, sử dụng trụ sở làm việc (có

nguồn gốc là tài sản nhà nước, tài sản xác lập quyền sở hữu nhà nước) cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương quản lý, đang sử dụng (đang ký hợp đồng thuê nhà với Công ty kinh doanh nhà của địa phương), trên cơ sở phương án tổng thể về xử lý, bố trí sắp xếp lại các cơ sở nhà đất, trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc trung ương.

2. Giám đốc Sở Tài chính căn cứ theo đề nghị xử lý tài sản nhà nước của Thủ trưởng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và giữa cấp huyện trừ khoản 1, Điều này.

3. Thủ trưởng các cơ quan hành chính sự nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, Ban, ngành và cấp tương đương, cấp huyện và cấp xã quyết định điều chuyển các tài sản nhà nước trong phạm vi nội bộ.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và cấp xã thuộc cấp huyện quản lý theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch huyện trừ các loại tài sản tại khoản 1 Điều 4 quy định này.

5. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản nhà nước thực hiện theo khoản 7, phần II, Thông tư 35/2007/TT-BTC ngày 10/4/2007 của Bộ Tài chính.

Điều 10. Kiểm kê thống kê tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều tra, thống kê tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và Thủ trưởng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm kê tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý hàng năm theo đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

Điều 11. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Thẩm quyền quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trong phạm vi toàn tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trong phạm vi quản lý.

2. Khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, cơ quan thanh tra, kiểm tra có quyền yêu cầu các tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra xuất trình các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc quản lý và sử dụng tài sản nhà nước. Nếu phát hiện vi phạm, có quyền xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III

PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 12. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu tài sản của nhà nước

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm pháp luật bị tịch thu sung quỹ nhà nước

a) Thẩm quyền quyết định tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Thẩm quyền quyết định tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với tài sản của người bị kết án được thực hiện theo quy định của pháp luật về hình sự.

c) Thẩm quyền quyết định tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với vật chứng vụ án được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

2. Đối với tài sản khác

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định của pháp luật đối với:

- Bất động sản trên địa bàn được xác định là vô chủ hoặc không xác định được chủ sở hữu;

- Di sản không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có nhưng người đó không được quyền hưởng di sản hoặc từ chối quyền hưởng di sản;

- Tài sản của các dự án sử dụng vốn ngoài nước do địa phương quản lý sau khi kết thúc hoạt động được chuyển giao cho địa phương.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật đối với tài sản được chủ sở hữu chuyển quyền sở hữu dưới hình thức biếu, tặng, cho, đóng góp, viện trợ và các hình thức chuyển giao khác theo quy định của pháp luật cho các tổ chức thuộc địa phương quản lý.

Điều 13. Thẩm quyền lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước

1. Thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản: cơ quan đang quản lý hoặc được tạm giao quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phương án xử lý tài sản đối với các loại tài sản theo thẩm quyền nêu tại khoản 1, Điều 12 quy định này.

Điều 14. Phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi liên quan đến việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

1. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp nào phê duyệt phương án xử lý thì nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước cấp đó, sau khi trừ đi chi phí hợp lý có liên quan (nếu có).

2. Nhiệm vụ chi liên quan đến việc xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu của Nhà nước được sử dụng từ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản; trường hợp xử lý tài sản không có nguồn thu hoặc số thu không đủ bù đắp chi phí, thì chi phí do ngân sách nhà nước của cấp phê duyệt phương án chi trả; trường hợp tài sản điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước, thì chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản do cơ quan, tổ chức được tiếp nhận tài sản chi trả.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 15. Xử lý vi phạm

Thực hiện theo Điều 23, Điều 24 Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

Điều 16. Giải quyết khiếu nại

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước bị xử lý, nếu không đồng ý với quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật. Việc giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Chủ tịch UBND các cấp, Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc thì báo cáo UBND tỉnh để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đình Quốc Thái